

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các tài liệu:

chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học, chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học và chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Kế hoạch hoạt động triển khai thực hiện Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học thuộc khối ngành sức khỏe, giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả thẩm định tài liệu chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học tại Biên bản họp thẩm định ngày 10/6/2024, kết quả thẩm định tài liệu chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học tại Biên bản họp thẩm định ngày 27/5/2024 và kết quả thẩm định tài liệu chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng tại Biên bản họp thẩm định ngày 09/5/2024 của Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 900/QĐ-BYT ngày 10/04/2024 của Bộ Y tế;

Xét công văn số 408/ĐHKTYTHD-QLĐT ngày 05/7/2024 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc hoàn thiện dự thảo chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học và chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học; báo cáo số 1483/BC-ĐHYD ngày 10/7/2024 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này các tài liệu: chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học, chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học và chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Thủ trưởng các Vụ, Cục có liên quan thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc bệnh viện, viện có giường bệnh, Hiệu trưởng các trường đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Hội đồng Y khoa Quốc gia;
- Lưu: VT, K2ĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tri Thức

**CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CỦA CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ Y tế)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mở đầu

Vai trò của ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học (XNYH) vô cùng quan trọng trong hệ thống ngành y tế tại Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, nó không chỉ giúp chẩn đoán bệnh mà còn giúp bác sĩ có được những kết quả chính xác nhất để điều trị bệnh, đưa ra phác đồ phù hợp giúp cho bệnh nhân tránh khỏi được những nguy hiểm của bệnh tật gây nên, mang lại hiệu quả cao trong quá trình phục hồi sức khỏe. Kỹ thuật XNYH là ngành nghề sử dụng những phương pháp, máy móc, trang thiết bị công nghệ hiện đại để nhận định các mẫu bệnh phẩm như máu, nước tiểu, dịch... nhằm phát hiện và cung cấp những bằng chứng khoa học giúp bác sĩ chẩn đoán chính xác tình trạng sức khỏe của người bệnh và người sử dụng dịch vụ xét nghiệm. Hiện nay ngành Kỹ thuật XNYH đã và đang phát triển theo hướng tự động, vi lượng để chẩn đoán một cách chính xác nhất ở lĩnh vực phân tử, chẩn đoán sớm được những căn bệnh như Virut, HIV/AIDS, lao, ung thư, ...và đại dịch Covid 19 đã thể hiện rõ điều này. Có thể khẳng định rằng vai trò của ngành XNYH tại các cơ sở y tế là không thể thiếu, càng nhiều trang thiết bị công nghệ hiện đại thì càng đòi hỏi phải có những kỹ thuật viên XNYH có trình độ cao để điều khiển các trang thiết bị máy móc đó.

Tại Việt Nam, có nhiều cơ sở tham gia đào tạo cử nhân Kỹ thuật XNYH nhưng chất lượng chưa đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt ở các vùng khó khăn. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần thiết đối với các cơ sở đào tạo phải đào tạo cử nhân Kỹ thuật XNYH có năng lực tối thiểu như nhau. Xu thế của các trường đại học trên thế giới hiện nay là theo hướng đào tạo dựa trên năng lực. Để xây dựng được chương trình đào tạo dựa trên năng lực, yêu cầu tất yếu là có các chuẩn năng lực tương ứng với từng ngành, từng trình độ đào tạo được thống nhất và ban hành ở cấp quốc gia.

2. Một số khái niệm

Năng lực (Competence): Là tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đạt được những kết quả cao.

Chuẩn năng lực (Competency Standard): Là những mức trình độ, khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, được công nhận qua đánh giá, kiểm định theo những chuẩn năng lực nghề nghiệp.

Năng lực nghề nghiệp (Professional competency): Là sự phù hợp giữa những thuộc tính tâm sinh lý của con người với những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Ở mỗi một nghề nghiệp khác nhau sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau, nhưng tựu trung lại, năng lực nghề

nghiệp được cấu thành bởi 3 thành tố: Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng và Thái độ hành nghề chuyên nghiệp.

Năng lực và năng lực nghề nghiệp đều không có sẵn mà được hình thành và phát triển liên tục qua học tập, lao động tích cực và thực hành chuyên môn. Trong quá trình hành nghề, các kỹ thuật viên XNYH sẽ không ngừng học tập để phát triển thêm những năng lực mới phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Sự cần thiết của Chuẩn năng lực nghề nghiệp của cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học

Việc xây dựng và ban hành bộ Chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật XNYH Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng bởi các lý do cơ bản sau đây:

3.1. Đối với cơ sở đào tạo

- Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo đảm bảo cho sinh viên Kỹ thuật XNYH sau khi tốt nghiệp có được các năng lực theo quy định.
- Giảng viên giảng dạy xác định mục tiêu và nội dung đào tạo cho cử nhân Kỹ thuật XNYH.
- Sinh viên Kỹ thuật XNYH phấn đấu học tập và tự đánh giá năng lực nghề nghiệp của bản thân.
- So sánh năng lực đầu ra của cử nhân Kỹ thuật XNYH Việt Nam với các nước, thúc đẩy quá trình hội nhập và công nhận trình độ đào tạo giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

3.2. Đối với cơ sở sử dụng nhân lực Kỹ thuật xét nghiệm y học

- Xác định phạm vi hành nghề của cử nhân Kỹ thuật XNYH.
- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm trong công việc.
- Xây dựng tiêu chuẩn thực hành nghề nghiệp.
- Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của người cử nhân kỹ thuật XNYH và giải quyết các sai phạm về đạo đức và hành nghề.

3.3 Đối với các cơ quan quản lý

- Công nhận sự tương đương về văn bằng và trình độ đào tạo giữa các quốc gia.
- Tiến tới hợp tác và trao đổi cử nhân Kỹ thuật XNYH giữa các quốc gia.
- Xác định năng lực, chuẩn mực Kỹ thuật XNYH ở mỗi quốc gia và khu vực.

4. Cơ sở xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật y.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 49/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế hướng dẫn hoạt động xét nghiệm trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 40/2018/TT-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế quy định về quản lý mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm.

- Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Bộ Y tế ban hành tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học.

- Thỏa thuận khung thừa nhận lẫn nhau trong thực hành y khoa giữa các nước trong khu vực ASEAN do Chính phủ Việt Nam ký kết với các nước thành viên khối ASEAN ngày 8 tháng 12 năm 2006.

5. Tài liệu tham khảo

- International Labour Office (2016), *Guideline to develop competency Standard*.

- Commonwealth of Australia (2007), *Research and develop competency Standard*, 07 September 2007.

- Human Resoure Association (2015), *Khung năng lực xu hướng ứng dụng trong bối cảnh hội nhập*.

- Bộ Y tế (2012), “*Chuẩn Năng lực điều dưỡng cơ bản Việt Nam*” ban hành theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 04 năm 2012 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2014), “*Chuẩn Năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam*” ban hành theo Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2015), “*Chuẩn Năng lực cơ bản bác sĩ đa khoa*” ban hành theo Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2016), “*Chuẩn Năng lực cơ bản của Bác sĩ Răng Hàm Mặt*” ban hành theo Quyết định số 4575/QĐ-BYT ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2019), “*Chuẩn Năng lực nghề nghiệp cơ bản của Cử nhân Y tế công cộng*” ban hành theo quyết định số 2642/QĐ-BYT ngày 25 tháng 06 năm 2019 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2019), “*Chuẩn Năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam*” ban hành theo Quyết định số 4851/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Y tế.

- Pathology Associations Council (2009), *Competency-based Standards for Medical Scientists, Commonwealth of Australia*.

- National Peer Reviewed Journal (2010), *Competencies of Career-Entry Medical Technology Graduates of Lyceum of Batangas*, Basis for Enhancement of the Internship Training Program.

- U.S. Department of Health and Human Services (2015), *Competency Guidelines for Public Health Laboratory Professionals CDC and the Association of Public Health Laboratories*, Centers for Disease Control and Prevention.

- Medical Sciences Council of New Zealand (2018), *Competency Standards of Medical Laboratory Science Practitioners In New Zealand*.

6. Tóm tắt nội dung chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học

Gồm 4 lĩnh vực, 16 tiêu chuẩn và 72 tiêu chí:

Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học

(6 tiêu chuẩn và 29 tiêu chí)

Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và đảm bảo an toàn phòng xét nghiệm

(6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí)

Lĩnh vực 3: Năng lực phát triển nghề nghiệp

(2 tiêu chuẩn và 09 tiêu chí)

Lĩnh vực 4: Năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp

(2 tiêu chuẩn và 09 tiêu chí)

**PHẦN 2. NỘI DUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC**

Lĩnh vực 1: NĂNG LỰC THỰC HÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học và chuyên ngành trong thực hành Kỹ thuật XNYH</i>
1.	<i>Tiêu chí 1. Áp dụng được kiến thức kiến thức khoa học cơ bản liên quan (hoá học, sinh học, lý sinh,...) để thực hiện kỹ thuật XNYH.</i>
2.	<i>Tiêu chí 2. Áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý, mô phôi, miễn dịch để thực hiện kỹ thuật XNYH.</i>
3.	<i>Tiêu chí 3. Vận dụng được những kiến thức bệnh học để thực hiện kỹ thuật, nhận định kết quả; giải thích, tư vấn cho người bệnh/khách hàng.</i>
4.	<i>Tiêu chí 4. Áp dụng những kiến thức xét nghiệm cơ bản và chuyên ngành trong thực hành nghề nghiệp Xét nghiệm.</i>
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Tổ chức, thực hiện được các quy trình trước xét nghiệm</i>
5.	<i>Tiêu chí 1. Tổ chức, thực hiện tiếp đón, nhận phiếu yêu cầu xét nghiệm, kiểm tra, đối chiếu và xác nhận thông tin người bệnh/khách hàng.</i>
6.	<i>Tiêu chí 2. Hướng dẫn, tư vấn, động viên, giải thích và thông báo cho người bệnh/khách hàng về quy trình và rủi ro có thể xảy ra trong khi lấy mẫu xét nghiệm.</i>
7.	<i>Tiêu chí 3. Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất cần thiết theo đúng quy trình quy định lấy mẫu.</i>
8.	<i>Tiêu chí 4. Tổ chức, thực hiện lấy, đóng gói, vận chuyển, bảo quản mẫu xét nghiệm kịp thời, đảm bảo chất lượng, an toàn sinh học và toàn vẹn mẫu bệnh phẩm.</i>
9.	<i>Tiêu chí 5. Tổ chức, thực hiện tiếp nhận hoặc từ chối mẫu xét nghiệm và nhập thông tin vào hệ thống theo đúng quy trình quy định.</i>
10.	<i>Tiêu chí 6. Tổ chức, thực hiện phân loại, xử lý mẫu xét nghiệm phù hợp với từng loại xét nghiệm theo đúng quy trình quy định.</i>
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Thực hiện đúng quy trình các xét nghiệm thông thường và phối hợp thực hiện một số kỹ thuật phức tạp trong giai đoạn xét nghiệm</i>
11.	<i>Tiêu chí 1. Tham gia, thực hiện xác nhận giá trị sử dụng của các phương pháp xét nghiệm của phòng xét nghiệm.</i>
12.	<i>Tiêu chí 2. Lựa chọn phương pháp xét nghiệm phù hợp với năng lực và nguồn lực của phòng xét nghiệm.</i>

13.	<i>Tiêu chí 3.</i> Chuẩn bị thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm phù hợp với quy trình kỹ thuật xét nghiệm.
14.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng của các phương pháp xét nghiệm của phòng xét nghiệm.
15.	<i>Tiêu chí 5.</i> Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm thông thường theo quy trình quy định.
16.	<i>Tiêu chí 6.</i> Phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm phức tạp.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Thực hiện đúng các quy trình ở giai đoạn sau xét nghiệm</i>
17.	<i>Tiêu chí 1.</i> rà soát, kiểm tra kết quả xét nghiệm đảm bảo độ chính xác và tin cậy.
18.	<i>Tiêu chí 2.</i> Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo về những kết quả xét nghiệm nghi ngờ hoặc không phù hợp.
19.	<i>Tiêu chí 3.</i> Báo cáo hoặc ký duyệt kết quả theo thẩm quyền và trả kết quả xét nghiệm kịp thời tới người bệnh/khách hàng theo quy định.
20.	<i>Tiêu chí 4.</i> Lưu trữ kết quả xét nghiệm, bảo mật thông tin của người bệnh/khách hàng theo quy định.
21.	<i>Tiêu chí 5.</i> Lựa chọn và thực hiện quy trình lưu mẫu bệnh phẩm phù hợp với từng loại xét nghiệm.
22.	<i>Tiêu chí 6.</i> Thực hiện chuẩn bị hoặc tham gia hội chẩn khi được yêu cầu.
5	<i>Tiêu chuẩn 5. Tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng trong lĩnh vực xét nghiệm</i>
23.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia xác định nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh/khách hàng và cộng đồng trong lĩnh vực XNYH.
24.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia công tác phòng bệnh, phòng chống dịch bệnh và thảm họa trong lĩnh vực xét nghiệm y học khi có yêu cầu.
6	<i>Tiêu chuẩn 6. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/khách hàng và đồng nghiệp</i>
25.	<i>Tiêu chí 1.</i> Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh/khách hàng qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ.
26.	<i>Tiêu chí 2.</i> Chủ động lắng nghe, giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ; quản lý xung đột, sử dụng được các kỹ năng phù hợp để giao tiếp hiệu quả với người bệnh/khách hàng.
27.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tôn trọng quyền riêng tư, văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh/khách hàng.
28.	<i>Tiêu chí 4.</i> Tham gia hoặc thực hiện đánh giá sự hài lòng và giải quyết những phàn nàn của người bệnh/khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ xét nghiệm.

29.	<i>Tiêu chí 5.</i> Giao tiếp hiệu quả với các đồng nghiệp trong phòng xét nghiệm, liên phòng, liên khoa, liên ngành trong hoạt động chuyên môn.
Lĩnh vực 2	
NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN PHÒNG XÉT NGHIỆM	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tham gia quản lý và duy trì hệ thống thiết bị, vật tư, hoá chất, sinh phẩm của phòng xét nghiệm</i>
30.	<i>Tiêu chí 1.</i> Đề xuất về nhu cầu, thông số kỹ thuật thiết bị, hoá chất, sinh phẩm, vật tư của phòng xét nghiệm thuộc lĩnh vực được phân công.
31.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia quản lý, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của phòng xét nghiệm thuộc lĩnh vực được giao theo đúng quy trình, quy định.
32.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tham gia tiếp nhận, bảo quản, sử dụng vật tư, hóa chất, sinh phẩm theo đúng quy trình, quy định.
33.	<i>Tiêu chí 4.</i> Quản lý, thống kê, báo cáo về thiết bị, vật tư, hoá chất, sinh phẩm tồn kho, không sử dụng được để xử lý, thanh lý theo đúng quy định.
34.	<i>Tiêu chí 5.</i> Tham gia thực hiện đánh giá năng lực, cập nhật danh sách, liên hệ (nếu cần) nhà cung ứng thiết bị, vật tư, hoá chất, sinh phẩm để đảm bảo và nâng cao chất lượng xét nghiệm và xử lý các sự cố về vấn đề này.
35.	<i>Tiêu chí 6.</i> Phát hiện, báo cáo những sai sót hoặc sự cố có liên quan đến thiết bị, vật tư, hoá chất, sinh phẩm để có hành động khắc phục phù hợp.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Tham gia quản lý hệ thống tài liệu và hồ sơ trong phòng xét nghiệm</i>
36.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia xây dựng, soát xét, cập nhật, bổ sung hoặc sửa đổi và lưu trữ các tài liệu phòng xét nghiệm theo quy định.
37.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia công tác quản lý hồ sơ phòng xét nghiệm theo quy định.
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Tham gia quản lý nhân sự trong phòng xét nghiệm</i>
38.	<i>Tiêu chí 1.</i> Đề xuất nhu cầu nhân lực theo vị trí việc làm của phòng xét nghiệm trong lĩnh vực được phân công.
39.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia kiểm tra, đánh giá năng lực của mỗi cá nhân đối với việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoặc các kỹ thuật được giao theo các tiêu chí đã được ban hành.
40.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và chịu trách nhiệm về hoạt động chuyên môn của kỹ thuật viên xét nghiệm ở cấp thấp hơn trong phạm vi được giao.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Tham gia công tác quản lý thông tin phòng xét nghiệm</i>
41.	<i>Tiêu chí 1.</i> Ứng dụng, cập nhật công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng và liên thông kết quả xét nghiệm.

42.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thực hiện bảo mật, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu và thông tin trong phòng xét nghiệm;
43.	<i>Tiêu chí 3.</i> Phát hiện, báo cáo, xử lý sự cố về hệ thống thông tin phòng xét nghiệm trong phạm vi được giao.
5	<i>Tiêu chuẩn 5. Tham gia hoạt động xem xét, đánh giá để cải tiến chất lượng phòng xét nghiệm</i>
44.	<i>Tiêu chí 1.</i> Định kỳ tham gia xem xét yêu cầu và sự phù hợp của các thủ tục trong hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm.
45.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia đánh giá nội bộ phòng xét nghiệm khi được phân công.
46.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tham gia xác định sự không phù hợp, các rủi ro, phân tích nguyên nhân, đề xuất để thực hiện hành động khắc phục, phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro trong thực hành xét nghiệm.
47.	<i>Tiêu chí 4.</i> Tham gia thiết lập, theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu chất lượng và đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng phòng xét nghiệm.
6	<i>Tiêu chuẩn 6. Đảm bảo an toàn trong thực hành XNYH</i>
48.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia bố trí phòng xét nghiệm theo đúng quy định về an toàn phòng xét nghiệm.
49.	<i>Tiêu chí 2.</i> Phân loại, đánh giá nguy cơ gây mất an toàn trong phòng xét nghiệm y học.
50.	<i>Tiêu chí 3.</i> Sử dụng thành thạo các thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp với loại và mức độ nguy cơ gây mất an toàn phòng xét nghiệm.
51.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thực hiện đúng quy trình thu thập, lưu trữ, vận chuyển, xử lý chất thải sinh học, hóa chất, chất độc hoặc phóng xạ và tham gia phòng ngừa, xử lý, khắc phục sự cố mất an ninh và an toàn sinh học.
52.	<i>Tiêu chí 5.</i> Thực hiện đúng quy trình, quy định về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tham gia phòng ngừa, xử lý sự cố gây bỏng nhiệt, điện giật, cháy nổ.
53.	<i>Tiêu chí 6.</i> Theo dõi, ghi chép và báo cáo các trường hợp thực hành không an toàn phòng xét nghiệm theo quy định và đề xuất cải tiến thích hợp.
54.	<i>Tiêu chí 7.</i> Tổ chức, thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác kiểm soát, phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện.
Lĩnh vực 3	
NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Duy trì và phát triển năng lực nghề nghiệp</i>

55.	<i>Tiêu chí 1.</i> Xác định mục tiêu phát triển nghề nghiệp và nhu cầu học tập, nâng cao trình độ, tay nghề của bản thân để xây dựng kế hoạch phát triển.
56.	<i>Tiêu chí 2.</i> Học tập liên tục, suốt đời về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, ngoại ngữ và công nghệ thông tin để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.
57.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tham gia vào các hoạt động của tổ chức, hội nghề nghiệp, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế để cập nhật, bổ sung kiến thức, phương pháp kỹ thuật xét nghiệm mới.
58.	<i>Tiêu chí 4.</i> Quảng bá hình ảnh của ngành, lắng nghe, có tư duy phản biện, đổi mới, sáng tạo và thích ứng với những thay đổi trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.
59.	<i>Tiêu chí 5.</i> Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên, kỹ thuật viên xét nghiệm y học ở trình độ thấp hơn và những đối tượng khác có liên quan.
4	<i>Tiêu chuẩn 2. Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng</i>
60.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia hoặc chủ trì nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực xét nghiệm y học.
61.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tuân thủ đúng nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu khoa học.
62.	<i>Tiêu chí 3.</i> Báo cáo, chia sẻ kết quả nghiên cứu khoa học với tổ chức, đồng nghiệp và cá nhân có liên quan.
63.	<i>Tiêu chí 4.</i> Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và bằng chứng y học để nâng cao chất lượng thực hành nghề nghiệp.
Lĩnh vực 4	
NĂNG LỰC THỰC HÀNH THEO PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Hành nghề theo quy định của pháp luật</i>
64.	<i>Tiêu chí 1.</i> Hành nghề theo đúng pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.
65.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tuân thủ quy định, quy tắc, văn hoá giao tiếp ứng xử của nơi làm việc.
66.	<i>Tiêu chí 3.</i> Báo cáo các hành vi vi phạm trong chuyên môn, hành nghề với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với những báo cáo đó.
2	<i>Tiêu chuẩn 2: Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp</i>
67.	<i>Tiêu chí 1.</i> Trân trọng nghề nghiệp của bản thân, chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định đưa ra; đặt sức khỏe, quyền lợi của người bệnh/khách hàng làm trung tâm và không phân biệt đối xử.
68.	<i>Tiêu chí 2.</i> Bảo đảm sự tôn trọng, tế nhị, kín đáo trong suốt quá trình tiếp xúc với người bệnh/khách hàng từ khi lấy mẫu cho đến khi trả kết quả.

69.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tôn trọng, chân thành, không phân biệt đối xử và hỗ trợ đồng nghiệp cho các hoạt động chuyên môn.
70.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thể hiện tinh thần, thái độ thận trọng, trung thực, chính xác, kịp thời và thực hành tiết kiệm, tránh lạm dụng, lãng phí trong thực hành nghề nghiệp.
71.	<i>Tiêu chí 5.</i> Thể hiện tinh thần, trách nhiệm trong phân loại, xử lý chất thải, chất độc hại, đảm bảo an toàn, an ninh sinh học trong thực hành nghề nghiệp tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.
72.	<i>Tiêu chí 6.</i> Tuân thủ quy định bảo mật thông tin của người bệnh/khách hàng trong quá trình hoạt động chuyên môn.

bvcdn.vt_Van thu Benh vien
Cao lam 201420141344

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CỦA CỬ NHÂN KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ Y tế)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mở đầu

Hiện nay, những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh – một ngành ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm khám phá các cấu trúc của cơ thể con người, được thể hiện bằng những hình ảnh đã giúp cho chẩn đoán sớm và có tính chất xác định nhiều bệnh để từ đó đưa ra phương pháp chữa trị hay phương pháp phẫu thuật hiệu quả nhất. Tiền thân của ngành chẩn đoán hình ảnh, ban đầu chỉ có xquang (Radiology) ra đời năm 1895, sau đó cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ thông tin, các phương pháp chẩn đoán hình ảnh mới bao gồm: Siêu âm, chụp cắt lớp vi tính (CT: Computed Tomography), chụp cộng hưởng từ (MRI: Magnetic Resonance Imagin) đã xuất hiện và phát triển tạo nên sự bùng nổ về kỹ thuật hình ảnh. Do vậy, ngành xquang dần dần được đổi tên mới cho phù hợp đó là chẩn đoán hình ảnh y học.

Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, các trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh ngày càng hiện đại, nhiều kỹ thuật cao đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong y học nhằm phát hiện bệnh sớm, chẩn đoán chính xác, tăng hiệu quả của điều trị và dự phòng tích cực. Do vậy bên cạnh lực lượng bác sỹ chẩn đoán hình ảnh thì vai trò của Kỹ thuật viên (KTV) kỹ thuật hình ảnh y học trong các cơ sở khám chữa bệnh lại càng trở nên quan trọng hơn. KTV kỹ thuật hình ảnh y học là người được đào tạo để tạo ra hình ảnh của các bộ phận trong cơ thể bằng các kỹ thuật khác nhau như chụp xquang, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ, siêu âm, ghi hình đồng vị phóng xạ... giúp cho các thầy thuốc lâm sàng chẩn đoán, theo dõi, điều trị bệnh có hiệu quả. Trong trường hợp đặc biệt, KTV hình ảnh y học không những trợ giúp bác sỹ chuyên ngành thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp đảm bảo chính xác, an toàn phóng xạ phục vụ cho điều trị mà còn có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và khả năng tự học tập suốt đời.

Tại Việt Nam, có nhiều cơ sở tham gia đào tạo cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học nhưng chất lượng chưa đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt ở các vùng khó khăn. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần thiết đối với các cơ sở đào tạo là phải đào tạo cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học có năng lực tối thiểu như nhau.

Xu thế của các Trường Đại học trên thế giới hiện nay là chuyển theo xu hướng đào tạo dựa trên năng lực. Để có thể xây dựng được chương trình đào tạo dựa trên năng lực, yêu cầu tất yếu là phải có các chuẩn năng lực tương ứng với từng ngành và trình độ đào tạo được thống nhất và ban hành ở cấp quốc gia.

2. Một số khái niệm

Năng lực (Competence): Là tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đạt được những kết quả cao.

Chuẩn năng lực (Competency Standard): Là những mức trình độ, khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, được công nhận qua đánh giá, kiểm định theo những chuẩn năng lực nghề nghiệp.

Năng lực nghề nghiệp (professional competency): Là sự phù hợp giữa những thuộc tính tâm sinh lý của con người với những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Ở mỗi một nghề nghiệp khác nhau sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau, nhưng tựu trung lại, năng lực nghề nghiệp được cấu thành bởi 3 thành tố: Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng và Thái độ hành nghề chuyên nghiệp.

Năng lực và năng lực nghề nghiệp đều không có sẵn mà được hình thành và phát triển liên tục qua học tập, lao động tích cực và thực hành chuyên môn. Trong quá trình hành nghề, các kỹ thuật viên hình ảnh y học sẽ không ngừng học tập để phát triển thêm những năng lực mới phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Sự cần thiết của chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học

Việc xây dựng và ban hành bộ Chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng bởi các lý do cơ bản sau đây:

3.1. Đối với cơ sở đào tạo

- Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo đảm bảo cho sinh viên Kỹ thuật hình ảnh y học sau khi tốt nghiệp có được các năng lực theo quy định.
- Giảng viên giảng dạy kỹ thuật hình ảnh y học xác định mục tiêu và nội dung đào tạo cho cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học.
- Sinh viên Kỹ thuật hình ảnh y học phấn đấu học tập và tự đánh giá năng lực nghề nghiệp của bản thân.
- So sánh năng lực đầu ra của Kỹ thuật hình ảnh y học Việt Nam với Kỹ thuật hình ảnh y học các nước trong khu vực ASEAN, thúc đẩy quá trình hội nhập và công nhận trình độ đào tạo giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

3.2. Đối với cơ sở sử dụng nhân lực Kỹ thuật hình ảnh y học

- Xác định phạm vi hành nghề của cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học.
- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm trong công việc.

- Xây dựng tiêu chuẩn thực hành nghề nghiệp.
- Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của người cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học và giải quyết các sai phạm về đạo đức và hành nghề.

3.3 Đối với các cơ quan quản lý

- Công nhận sự tương đương về văn bằng và trình độ đào tạo giữa các quốc gia.
- Tiến tới hợp tác và trao đổi cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học giữa các quốc gia.
- Xác định năng lực, chuẩn mực Kỹ thuật hình ảnh y học ở mỗi quốc gia và khu vực.

4. Cơ sở xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp Kỹ thuật hình ảnh y học

- Luật Khám bệnh, chức bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật y.
- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.
- Thỏa thuận khung thừa nhận lẫn nhau trong thực hành y khoa giữa các nước trong khu vực ASEAN do Chính phủ Việt Nam ký kết với các nước thành viên khối ASEAN ngày 8 tháng 12 năm 2006.

5. Tài liệu tham khảo

- International Labour Office (2016), *Guideline to develop competency Standard*.
- Commonwealth of Australia (2007), *Research and develop competency Standard, 07 September 2007*.
- Human Resoure Association (2015), *Khung năng lực xu hướng ứng dụng trong bối cảnh hội nhập*.
- Bộ Y tế (2012), “*Chuẩn Năng lực điều dưỡng cơ bản Việt Nam*” ban hành theo Quyết định 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 04 năm 2012 của Bộ Y tế.
- Bộ Y tế (2014), “*Chuẩn Năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam*” ban hành theo Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2015), “*Chuẩn Năng lực cơ bản bác sĩ đa khoa*” ban hành theo Quyết định 1854/QĐ-BYT ngày 18 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2016), “*Chuẩn Năng lực cơ bản của Bác sĩ Răng Hàm Mặt*” ban hành theo Quyết định số 4575/QĐ-BYT ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2019), “*Chuẩn Năng lực nghề nghiệp cơ bản của Cử nhân Y tế công cộng*” ban hành theo quyết định số 2642/QĐ-BYT ngày 25 tháng 06 năm 2019 của Bộ Y tế.

- Bộ Y tế (2019), “*Chuẩn Năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam*” ban hành theo Quyết định số 4851/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Y tế.

- Competence Standards for Medical Imaging and Radiation Therapy Practice in New Zealand (2018).

- The ASRT Practice Standards for Medical Imaging and Radiation Therapy (2019). American Society of Radiologic Technologists.

- Scope of Practice and Clinical Standards for the Diagnostic Medical Sonographer (2015).

- Standards of Practice for Diagnostic and Interventional Radiology (2016) The Royal Australian and New Zealand College of Radiologists.

- Standards of Practice for Radiology Practitioner Assistants (2016).

6. Tóm tắt nội dung chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học

Gồm 4 lĩnh vực, 15 tiêu chuẩn và 62 tiêu chí:

Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành kỹ thuật hình ảnh y học

(7 tiêu chuẩn, 27 tiêu chí)

Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và an toàn trong thực hành nghề nghiệp

(4 tiêu chuẩn, 17 tiêu chí)

Lĩnh vực 3: Năng lực phát triển nghề nghiệp

(2 tiêu chuẩn, 9 tiêu chí)

Lĩnh vực 4: Năng lực hành nghề theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp

(2 tiêu chuẩn, 9 tiêu chí)

**PHẦN 2. NỘI DUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CỬ NHÂN KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC**

Lĩnh vực 1: NĂNG LỰC THỰC HÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học và chuyên ngành vào thực tiễn hành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật hình ảnh y học</i>
1.	<i>Tiêu chí 1. Áp dụng được các kiến thức về vật lý, hóa học, lý sinh và các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình tạo hình ảnh y học, y học hạt nhân và xạ trị.</i>
2.	<i>Tiêu chí 2. Ứng dụng được các kiến thức về giải phẫu, sinh lý theo các giai đoạn phát triển của cơ thể con người liên quan tới lĩnh vực thực hành nghề nghiệp.</i>
3.	<i>Tiêu chí 3. Sử dụng được các kiến thức về bệnh học để phát hiện sự thay đổi hình ảnh bất thường trong quá trình thực hành nghề nghiệp.</i>
4.	<i>Tiêu chí 4. Ứng dụng các nguyên lý tạo hình ảnh y học, y học hạt nhân và xạ trị để thực hiện đúng quy trình tối ưu hóa kỹ thuật để phục vụ chẩn đoán và điều trị.</i>
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Tổ chức, thực hiện đúng các quy trình trước khi thực hiện kỹ thuật</i>
5.	<i>Tiêu chí 1. Chủ trì, tổ chức đón tiếp, nhận phiếu chỉ định, kiểm tra và đối chiếu thông tin người bệnh để có quyết định thích hợp.</i>
6.	<i>Tiêu chí 2. Hướng dẫn, tư vấn, giải thích, thông báo cho người bệnh, gia đình người bệnh về quá trình thực hiện kỹ thuật và những tai biến, rủi ro có thể xảy ra để người bệnh, gia đình người bệnh chấp thuận thực hiện kỹ thuật.</i>
7.	<i>Tiêu chí 3. Chuẩn bị máy, trang thiết bị, vật tư, thuốc, hộp thuốc cấp cứu, thuốc chống sốc để thực hiện quy trình kỹ thuật theo quy định.</i>
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Dùng thuốc bảo đảm an toàn, hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn</i>
8.	<i>Tiêu chí 1. Khai thác tiền sử dị ứng thuốc.</i>
9.	<i>Tiêu chí 2. Tuân thủ nguyên tắc kiểm tra, đối chiếu và các nguyên tắc đảm bảo an toàn khác trước khi sử dụng thuốc, hóa chất, dược chất và các chế phẩm y khoa khác cho người bệnh.</i>
10.	<i>Tiêu chí 3. Phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc, báo cáo kịp thời và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong sơ cứu, cấp</i>



	cứu.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Thực hiện các quy trình kỹ thuật chuyên môn, phối hợp thực hiện các kỹ thuật phức tạp</i>
11.	<i>Tiêu chí 1.</i> Đánh giá tình trạng người bệnh, khai thác tiền sử bệnh tật, để lựa chọn kỹ thuật phù hợp với từng người bệnh.
12.	<i>Tiêu chí 2.</i> Phân tích và xác định được những nhu cầu kỹ thuật ưu tiên trên cơ sở tính cấp bách của tình trạng lâm sàng và nguồn lực khoa chẩn đoán hình ảnh.
13.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thực hiện thành thạo các bước kỹ thuật chuyên môn theo đúng quy trình quy định và phối hợp làm việc nhóm trong thực hiện kỹ thuật chuyên môn như chụp xquang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ hạt nhân, y học phóng xạ.
5	<i>Tiêu chuẩn 5. Tổ chức thực hiện quy trình sau khi kết thúc các kỹ thuật</i>
14.	<i>Tiêu chí 1.</i> Rà soát, nhận định kết quả thực hiện kỹ thuật đảm bảo chính xác, chất lượng phục vụ cho chẩn đoán và điều trị.
15.	<i>Tiêu chí 2.</i> Phát hiện các sai sót và hình ảnh bất thường để xử lý trong phạm vi trách nhiệm được giao hoặc báo cáo kịp thời để giải quyết.
16.	<i>Tiêu chí 3.</i> Lưu giữ và chuyển các thông số, hình ảnh của người bệnh cho bác sỹ.
17.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thông báo và chuyển kết quả chẩn đoán hình ảnh và các thông số của người bệnh cho bác sỹ khám và điều trị, người bệnh, người nhà người bệnh theo đúng quy định.
18.	<i>Tiêu chí 5.</i> Chuẩn bị các phương tiện, kết quả, các thông số kỹ thuật để tham gia hội chẩn kỹ thuật khi được phân công.
6	<i>Tiêu chuẩn 6. Tham gia tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật hình ảnh y học</i>
19.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng khi sử dụng các kỹ thuật chẩn đoán liên quan tới xquang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ hạt nhân, y học hạt nhân và xạ trị.
20.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia tư vấn và giáo dục sức khỏe trong quá trình điều trị bằng các kỹ thuật Xquang can thiệp, Y học Hạt nhân và xạ trị.
21.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tham gia phòng chống dịch và thảm họa khi có yêu cầu.
7	<i>Tiêu chuẩn 7. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp</i>

22.	<i>Tiêu chí 1.</i> Nhận biết được tâm lý và nhu cầu của người bệnh, gia đình người bệnh thông qua những biểu hiện nét mặt, ngôn ngữ.
23.	<i>Tiêu chí 2.</i> Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đặc biệt người có trở ngại, khó khăn về giao tiếp do bệnh tật, tâm lý.
24.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thể hiện lời nói, cử chỉ, thái độ ân cần động viên khuyến khích người bệnh an tâm thực hiện kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị.
25.	<i>Tiêu chí 4.</i> Tôn trọng, tạo niềm tin với người bệnh, gia đình người bệnh thông qua sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng, vùng miền trong hoạt động chuyên môn.
26.	<i>Tiêu chí 5.</i> Tham gia đánh giá sự hài lòng và giải quyết bức xúc, phàn nàn của người bệnh và gia đình người bệnh để nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật hình ảnh y học.
27.	<i>Tiêu chí 6.</i> Giao tiếp hiệu quả với các đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn.
Lĩnh vực 2	
NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ AN TOÀN TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Quản lý hệ thống trang thiết bị, vật tư, thuốc, hóa chất</i>
28.	<i>Tiêu chí 1.</i> Lập kế hoạch quản lý, đề xuất nhu cầu về thiết bị, vật tư, thuốc, hóa chất thuộc lĩnh vực được phân công.
29.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia hạch toán và đề xuất chi phí hiệu quả trong xây dựng giá dịch vụ y tế thuộc lĩnh vực kỹ thuật hình ảnh y học khi được phân công.
30.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tiếp nhận, sử dụng, hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang thiết bị, vật tư, thuốc, hóa chất trong theo đúng quy định.
31.	<i>Tiêu chí 4.</i> Phát hiện và báo cáo những sự cố, lỗi kỹ thuật, vật tư, thuốc, hóa chất kém chất lượng; xử lý được lỗi kỹ thuật đơn giản.
32.	<i>Tiêu chí 5.</i> Lập và thực hiện kế hoạch bảo trì các máy móc, trang thiết bị do mình phụ trách.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản lý hệ thống tài liệu (Quy trình kỹ thuật, biểu mẫu) và hồ sơ trong phòng kỹ thuật hình ảnh y học</i>
33.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia xây dựng, cập nhật, quản lý hệ thống tài liệu về quy trình kỹ thuật, quy trình vận hành quy trình đảm bảo an toàn và khắc phục các sự cố, rủi ro.
34.	<i>Tiêu chí 2.</i> Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, dữ liệu của người bệnh và các hồ sơ khác theo quy định.

3	Tiêu chuẩn 3. Tham gia quản lý nhân lực
35.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia đề xuất nhu cầu nhân lực và quản lý nhân lực theo phạm vi nhiệm vụ được giao.
36.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá hoạt động chuyên môn của kỹ thuật viên hình ảnh y học ở cấp thấp hơn và các đối tượng khác khi được phân công.
4	Tiêu chuẩn 4. An toàn thực hành và quản lý rủi ro
37.	<i>Tiêu chí 1.</i> Áp dụng những kiến thức về an toàn bức xạ và các quy định trong thực hành chẩn đoán hình ảnh, y học hạt nhân và xạ trị.
38.	<i>Tiêu chí 2.</i> Áp dụng những kiến thức về nguyên tắc, quy trình quản lý rủi ro trong thực hành chẩn đoán hình ảnh, điều trị y học hạt nhân và xạ trị.
39.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thực hiện đúng các quy trình, quy định và trách nhiệm pháp lý về đảm bảo an toàn, phòng ngừa rủi ro, giảm sự phơi nhiễm tia xạ và liều chiếu xạ cho bản thân, người bệnh và cộng đồng.
40.	<i>Tiêu chí 4.</i> Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân, liều kế cá nhân, thiết bị kiểm tra bức xạ, khi thao tác, tiếp xúc với nguồn phóng xạ theo đúng quy định.
41.	<i>Tiêu chí 5.</i> Phát hiện, xử lý và báo cáo kịp thời khi gặp rủi ro và các sự cố bất thường theo đúng quy trình, quy định.
42.	<i>Tiêu chí 6.</i> Tổ chức, thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chế độ kiểm soát và phòng ngừa nhiễm khuẩn và an toàn bệnh viện.
43.	<i>Tiêu chí 7.</i> Tuân thủ các quy định về quản lý, xử lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng và chất thải y tế.
44.	<i>Tiêu chí 8.</i> Chấp hành quy định về an toàn điện và phòng chống cháy nổ; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các sự cố gây điện giật và cháy nổ.
Lĩnh vực 3	
NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	
1	Tiêu chuẩn 1. Duy trì và phát triển năng lực nghề nghiệp
45.	<i>Tiêu chí 1.</i> Xác định mục tiêu phát triển nghề nghiệp và nhu cầu học tập, nâng cao trình độ tay nghề của bản thân để xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp.
46.	<i>Tiêu chí 2.</i> Học tập liên tục, suốt đời về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, ngoại ngữ và công nghệ thông tin để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.

47.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tham gia các hoạt động của tổ chức, hội nghề nghiệp, hội nghị khoa học trong nước và Quốc tế để cập nhật, bổ sung kiến thức, phương pháp kỹ thuật mới.
48.	<i>Tiêu chí 4.</i> Quảng bá hình ảnh của ngành, thể hiện thái độ tích cực, lắng nghe, có tư duy phản biện, đổi mới, sáng tạo và thích ứng với những thay đổi trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.
49.	<i>Tiêu chí 5.</i> Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên, kỹ thuật viên hình ảnh y học ở cấp thấp hơn và các đối tượng khác có liên quan.
4	<i>Tiêu chuẩn 2. Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng</i>
50.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia hoặc chủ trì nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực hình ảnh y học.
51.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tuân thủ nguyên tắc về đạo đức nghiên cứu khoa học.
52.	<i>Tiêu chí 3.</i> Báo cáo, chia sẻ kết quả nghiên cứu với tổ chức, đồng nghiệp và cá nhân có liên quan.
53.	<i>Tiêu chí 4.</i> Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và bằng chứng y học để nâng cao chất lượng thực hành nghề nghiệp.
Lĩnh vực 4	
NĂNG LỰC THỰC HÀNH THEO PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Hành nghề theo quy định của pháp luật</i>
54.	<i>Tiêu chí 1.</i> Hành nghề theo đúng pháp luật của Việt Nam và các điều ước Quốc tế có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.
55.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tuân thủ quy định, quy tắc, văn hóa giao tiếp ứng xử của nơi làm việc.
56.	<i>Tiêu chí 3.</i> Báo cáo các hành vi, vi phạm trong chuyên môn, hành nghề với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với những báo cáo đó.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp</i>
57.	<i>Tiêu chí 1.</i> Trân trọng nghề nghiệp của bản thân, chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định; đặt sức khỏe, quyền lợi người bệnh làm trung tâm và không phân biệt đối xử.
58.	<i>Tiêu chí 2.</i> Bảo đảm sự tôn trọng, quyền riêng tư trong quá trình tiếp xúc với người bệnh, gia đình người bệnh khi thực hiện kỹ thuật hình ảnh y học.
59.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tôn trọng, chân thành, không phân biệt đối xử và hỗ trợ đồng nghiệp

	trong quá trình hoạt động chuyên môn.
60.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thể hiện tinh thần thái độ thận trọng, trung thực, chính xác, kịp thời và thực hành tiết kiệm, tránh lạm dụng, lãng phí trong thực hành nghề nghiệp.
61.	<i>Tiêu chí 5.</i> Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong phân loại, xử lý chất thải phóng xạ, chất thải y tế; đảm bảo an toàn bức xạ trong thực hành nghề nghiệp tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh và cộng đồng.
62.	<i>Tiêu chí 6.</i> Tuân thủ quy định bảo mật thông tin của người bệnh trong quá trình hoạt động chuyên môn.

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CỦA CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ Y tế)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mở đầu

Nâng cao sức khỏe, phòng bệnh, điều trị và Phục hồi chức năng là bốn yếu tố trong hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn diện hiện nay. Tổ chức Y tế thế giới cũng đã đưa ra một khái niệm đầy đủ về Phục hồi chức năng bao gồm các biện pháp y học, kinh tế, xã hội, giáo dục hướng nghiệp và kỹ thuật phục hồi nhằm giảm tác động của khiếm khuyết, đảm bảo cho người bị giảm khả năng và có khiếm khuyết hội nhập xã hội, có những cơ hội bình đẳng và tham gia đầy đủ các hoạt động của xã hội. Trên thế giới, các ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật phục hồi chức năng bao gồm Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu và một số chuyên ngành trị liệu khác.

Đào tạo chính thức Vật lý trị liệu xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1972 tại trường Cán sự Vật lý trị liệu (tiền thân của Bộ môn Phục hồi chức năng, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh). Từ năm 1972 – 2000 các hệ đào tạo chỉ bao gồm Trung cấp và Cao đẳng. Khóa Cử nhân Vật lý trị liệu đầu tiên được Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo vào năm 2001. Năm 2016, được sự hỗ trợ của tổ chức Ủy ban Y tế Hà Lan Việt Nam, hệ Cử nhân Phục hồi chức năng chuyên ngành Hoạt động trị liệu đầu tiên đã được đưa vào đào tạo tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương và Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2019, cũng với sự hỗ trợ của tổ chức nói trên, trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng đã đào tạo khóa Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu đầu tiên. Hiện tại, ở Việt Nam đã có 12 trường được cấp phép đào tạo hệ Cử nhân đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng bao gồm: trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên, trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam, trường Đại học Phenikaa, trường Đại học Y tế công cộng, trường Đại học Y Hà Nội, trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng, trường Đại học quốc tế Hồng Bàng, trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch, trường Đại học Nguyễn Tất Thành, trường Đại học Trà Vinh và Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến năm 2024, cả nước đã có 02 tiến sĩ chuyên ngành Vật lý trị liệu, 01 tiến sĩ chuyên ngành Hoạt động trị liệu, 01 tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu, 43 thạc sĩ chuyên ngành Vật lý trị liệu, 06 thạc sĩ chuyên ngành Hoạt động trị liệu, 26 thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu, 2.582 cử nhân đại học chuyên ngành Vật lý trị liệu, 87 cử nhân chuyên ngành Hoạt động trị liệu, 20 cử nhân chuyên ngành Hoạt động trị liệu và khoảng 5.000 kỹ thuật viên ở trình độ trung cấp và cao đẳng.

Tính đến năm 2023, Việt Nam đã triển khai Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở phục hồi chức năng trên toàn quốc. Theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, chương trình này đặt mục tiêu đảm bảo trên 90% cơ sở phục hồi chức năng (gồm các bệnh viện phục hồi chức năng, trung tâm phục hồi chức năng, khoa phục hồi chức năng thuộc các cơ sở y tế) được duy trì, kiện toàn và đầu tư phát triển. Chương trình cũng nhấn mạnh việc phát triển dịch vụ phục hồi chức năng trong các cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở trợ giúp xã hội và dựa vào cộng đồng.

2. Một số khái niệm

Năng lực (Competence): Là tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đạt được những kết quả cao.

Chuẩn năng lực (Competency Standard): Là những mức trình độ, khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, được công nhận qua đánh giá, kiểm định theo những chuẩn năng lực nghề nghiệp.

Năng lực nghề nghiệp (professional competency): Là sự phù hợp giữa những thuộc tính tâm sinh lý của con người với những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Ở mỗi một nghề nghiệp khác nhau sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau, nhưng tựu trung lại, năng lực nghề nghiệp được cấu thành bởi 3 thành tố: Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng và Thái độ hành nghề chuyên nghiệp.

Năng lực và năng lực nghề nghiệp đều không có sẵn mà được hình thành và phát triển liên tục qua học tập, lao động tích cực và thực hành chuyên môn. Trong quá trình hành nghề, các kỹ thuật viên phục hồi chức năng sẽ không ngừng học tập để phát triển thêm những năng lực mới phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Sự cần thiết của Chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng

Trong Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực phục hồi chức năng được nhấn mạnh như một yếu tố then chốt nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cộng đồng. Để đạt được mục tiêu này, việc thiết lập và duy trì chuẩn năng lực cho cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng là cực kỳ cần thiết. Chuẩn năng lực giúp đảm bảo rằng các cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng được đào tạo theo một tiêu chuẩn thống nhất, từ đó cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế có chất lượng cao và đồng đều trên toàn quốc. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các dịch vụ phục hồi chức năng ngày càng phức tạp và đòi hỏi sự chính xác cao trong thực hành lâm sàng.

Khi các cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng được đào tạo theo chuẩn năng lực, họ có thể áp dụng các phương pháp điều trị hiện đại và hiệu quả, giúp tối ưu hóa quá trình phục hồi cho bệnh nhân. Điều này không chỉ cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật mà còn giảm gánh nặng cho hệ thống y tế. Đồng thời, thiết lập chuẩn năng lực cũng giúp Việt Nam có thể so sánh và hội nhập với các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực phục hồi chức năng. Điều này không chỉ mở ra cơ hội hợp tác và học hỏi kinh nghiệm từ các nước tiên tiến mà còn góp phần nâng cao vị thế của ngành y tế Việt Nam trên trường quốc tế.

Với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ trong y học, chuẩn năng lực giúp đảm bảo các cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng luôn cập nhật kiến thức mới và kỹ năng tiên tiến. Điều này là nền tảng để phát triển ngành phục hồi chức năng một cách bền vững và đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội. Chuẩn năng lực cũng cung cấp cơ sở để các cơ sở y tế và cơ sở giáo dục có thể quản lý và đánh giá chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh và cải thiện chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn và nhu cầu thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

Như vậy, việc thiết lập chuẩn năng lực cho Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng không chỉ đảm bảo chất lượng dịch vụ mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành phục hồi chức năng một cách toàn diện và bền vững.

4. Cơ sở xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp Kỹ thuật phục hồi chức năng

- Luật Khám bệnh, chức bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật y.
- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
- Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về danh mục nghề nghiệp Việt Nam.
- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển hệ thống Phục hồi chức năng giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn: Các tiêu chuẩn thực hành của Vật lý trị liệu (Guideline: Standards of physical therapy practice) của Liên đoàn Vật lý trị liệu thế giới.
- Ngưỡng thực hành Vật lý trị liệu ở Úc, vùng Aotearoa và New Zealand (Physiotherapy practice thresholds in Australia and Aotearoa New Zealand) của Hội Vật lý trị liệu Úc và Hội Vật lý trị liệu New Zealand.
- Khung năng lực cấp độ đầu vào của nhà Hoạt động trị liệu (Entry level competencies for Occupational Therapist) của Liên đoàn Hoạt động trị liệu Thế giới.
- Chuẩn năng lực Hoạt động trị liệu Úc (Australian occupational therapy competency standards) của Hội Hoạt động trị liệu Úc.

- Chuẩn năng lực nghề nghiệp cho nhà Ngôn ngữ trị liệu (Competency- based Occupational Standards for Speech Pathologists) của Hội Ngôn ngữ trị liệu Úc.

- Tiêu chuẩn và quy trình thực hiện cấp chứng chỉ năng lực lâm sàng trong bệnh lý Lờn nói – Ngôn ngữ năm 2020 (2020 Standards and Implementation Procedures for the Certificate of Clinical Competence in Speech- Language Pathology) của Hội Lờn nói - Ngôn ngữ - Thính học Hoa Kỳ.

- Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế.

- Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam Ban hành kèm theo Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế.

- Chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản của Cử nhân Y tế công cộng Ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Bộ Y tế.

6. Tóm tắt nội dung chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng

Bộ chuẩn năng lực nghề nghiệp cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng gồm 7 lĩnh vực như sau:

Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành nghề nghiệp chuyên môn

- Chuyên ngành Vật lý trị liệu (4 tiêu chuẩn, 17 tiêu chí)
- Chuyên ngành Hoạt động trị liệu (4 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí)
- Chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu (5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí)

Lĩnh vực 2: Năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp (2 tiêu chuẩn và 10 tiêu chí)

Lĩnh vực 3: Năng lực giao tiếp

(3 tiêu chuẩn và 10 tiêu chí)

Lĩnh vực 4: Năng lực hợp tác

(2 tiêu chuẩn và 10 tiêu chí)

Lĩnh vực 5: Năng lực học tập suốt đời và phát triển chuyên môn

(4 tiêu chuẩn và 11 tiêu chí)

Lĩnh vực 6: Năng lực đào tạo

(3 tiêu chuẩn và 9 tiêu chí)

Lĩnh vực 7: Năng lực quản lý và lãnh đạo

(3 tiêu chuẩn và 14 tiêu chí)

**PHẦN 2. NỘI DUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

Lĩnh vực 1: NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN	
A. Đối với chuyên ngành Vật lý trị liệu	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Thực hiện độc lập việc lượng giá Vật lý trị liệu, bao gồm: lượng giá chủ quan, lượng giá thực thể và phân tích tình trạng chức năng của người bệnh theo cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm. Trên cơ sở đó, lập mục tiêu và kế hoạch can thiệp Vật lý trị liệu dựa trên lý luận lâm sàng</i>
1.	<i>Tiêu chí 1. Cung cấp thông tin đầy đủ và giải thích cho người bệnh và những người liên quan về mục tiêu của việc lượng giá, các yếu tố nguy cơ và các lựa chọn hiện có.</i>
2.	<i>Tiêu chí 2. Xây dựng kế hoạch lượng giá Vật lý trị liệu áp dụng kiến thức về bệnh học, giải phẫu học, sinh lý, giải phẫu chức năng, lượng giá chức năng, các kiến thức khoa học liên quan đến vận động và chức năng để xác định các khiếm khuyết, giảm chức năng và giới hạn khả năng tham gia của người bệnh.</i>
3.	<i>Tiêu chí 3. Thu thập các thông tin về chức năng trước đó, mức độ chức năng thể chất và sự tham gia của người bệnh để xác định mong đợi của họ từ Vật lý trị liệu.</i>
4.	<i>Tiêu chí 4. Lựa chọn, thực hiện kỹ năng lượng giá và lượng giá lại một cách phù hợp dựa trên việc sử dụng các công cụ đo lường đã được chuẩn hóa.</i>
5.	<i>Tiêu chí 5. Nhận biết và đánh giá các yếu tố cá nhân, môi trường và xã hội có thể ảnh hưởng đến chức năng, sự khuyết tật và sức khỏe của mỗi người bệnh</i>
6.	<i>Tiêu chí 6. Sử dụng lý luận lâm sàng để phân tích các thông tin có được từ quá trình lượng giá nhằm xác định và giải thích các chẩn đoán và/hoặc các tình trạng hiện tại của người bệnh. Nếu cần, có thể điều chỉnh việc lượng giá cho phù hợp.</i>
7.	<i>Tiêu chí 7. Hỗ trợ người bệnh và những người liên quan tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch can thiệp thông qua việc cung cấp thông tin và giải thích về kết quả lượng giá, chẩn đoán một cách đầy đủ, rõ ràng cũng như các lựa chọn về việc chuyển người bệnh sang nhà Vật lý trị liệu khác hoặc các chuyên khoa khác trong trường hợp cần thiết.</i>
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Thực hiện độc lập việc can thiệp Vật lý trị liệu cho mọi đối tượng một cách hiệu quả dựa trên y học thực chứng và cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm</i>

8.	<i>Tiêu chí 1.</i> Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác cho người bệnh về các lựa chọn can thiệp Vật lý trị liệu hiện có cho tình trạng của họ, những lợi ích và nguy cơ của mỗi lựa chọn nhằm thống nhất được mục tiêu và kế hoạch can thiệp.
9.	<i>Tiêu chí 2.</i> Khuyến khích người bệnh và những người liên quan tham gia vào quá trình can thiệp để đạt được mục tiêu đã thống nhất.
10.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thực hiện can thiệp Vật lý trị liệu phù hợp theo tình trạng sức khỏe dựa trên các bằng chứng tốt nhất hiện tại.
11.	<i>Tiêu chí 4.</i> Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác cho người bệnh và những người liên quan về các đáp ứng đối với can thiệp Vật lý trị liệu của họ, điều chỉnh can thiệp nếu cần để đảm bảo đạt được mục tiêu đã thống nhất.
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Thực hiện can thiệp Vật lý trị liệu liên tục và toàn diện để tăng cường sự tham gia và tối ưu hóa chất lượng cuộc sống của người bệnh</i>
12.	<i>Tiêu chí 1.</i> Xem xét đến các yếu tố tâm lý, xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa có thể ảnh hưởng đến nhu cầu, đáp ứng đối với Vật lý trị liệu của người bệnh.
13.	<i>Tiêu chí 2.</i> Khuyến khích người bệnh và những người liên quan tham gia vào quá trình tự quản lý vấn đề của họ để tối ưu hóa sự tham gia vào hoạt động sống hằng ngày.
14.	<i>Tiêu chí 3.</i> Liên tục theo dõi kết quả can thiệp, đối chiếu với mục tiêu đã thống nhất để nhận biết khi Vật lý trị liệu không còn phù hợp và chuyển người bệnh đến các lựa chọn khác phù hợp hơn.
15.	<i>Tiêu chí 4.</i> Hỗ trợ người bệnh tiếp cận với những công nghệ, thiết bị và bối cảnh nhằm tăng cường sự tham gia tối ưu chất lượng sống.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Ghi chép, lập hồ sơ và lưu trữ thông tin chuyên môn</i>
16.	<i>Tiêu chí 1.</i> Ghi chép và lưu trữ các thông tin lượng giá, mục tiêu, chương trình can thiệp và tái lượng giá Vật lý trị liệu định kỳ.
17.	<i>Tiêu chí 2.</i> Bàn giao các ghi chép và thông tin chuyên môn cho nhà Vật lý trị liệu khác trong trường hợp cần thiết.
B. Đối với chuyên ngành Hoạt động trị liệu	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Thực hiện độc lập việc lượng giá Hoạt động trị liệu, bao gồm: Các yếu tố an toàn/nguy cơ, tình trạng khiếm khuyết, giảm khả năng, hoạt động và sự tham gia của người bệnh. Trên cơ sở đó, lập mục tiêu và kế hoạch can thiệp Hoạt động trị liệu dựa trên lý luận lâm sàng</i>
1.	<i>Tiêu chí 1.</i> Lựa chọn, thực hiện kỹ năng lượng giá và lượng giá lại một cách phù hợp dựa trên việc sử dụng các công cụ đo lường khách quan.

2.	<i>Tiêu chí 2.</i> Đánh giá chính xác khả năng tham gia hoạt động chức năng cũng như khả năng thực hiện các hoạt động, các yếu tố xã hội, yếu tố môi trường, yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến khả năng tham gia hoạt động chức năng của mỗi cá nhân hay tập thể, dựa trên các khung mẫu thực hành.
3.	<i>Tiêu chí 3.</i> Sử dụng lý luận lâm sàng để xác định hoạt động ưu tiên của người bệnh hoặc người có liên quan để phát triển kế hoạch can thiệp Hoạt động trị liệu phù hợp nhằm đảm bảo sự tham gia chủ động của người bệnh. Tái lượng giá và thay đổi kế hoạch khi cần thiết để đạt được hoạt động ưu tiên.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Can thiệp Hoạt động trị liệu cho mọi đối tượng một cách hiệu quả dựa trên y học thực chứng</i>
4.	<i>Tiêu chí 1.</i> Áp dụng lý luận lâm sàng và y học thực chứng một cách phù hợp trên từng trường hợp để đảm bảo thực hành can thiệp tốt nhất.
5.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thích nghi và can thiệp Hoạt động trị liệu hiệu quả tại các môi trường khác nhau bao gồm các cơ sở y tế và cộng đồng.
6.	<i>Tiêu chí 3.</i> Có kiến thức và kỹ năng về thực hiện các hoạt động đặc trưng và kỹ năng liên quan tại địa phương để có phân tích phù hợp với sự tham gia của người bệnh.
7.	<i>Tiêu chí 4.</i> Tìm hiểu và phân tích những hoạt động có giá trị tinh thần, ý nghĩa đối với người bệnh tùy vào bối cảnh và văn hóa tại địa phương thực hành để sử dụng trong can thiệp.
8.	<i>Tiêu chí 5.</i> Phân tích khả năng thực tế tham gia vào Hoạt động trị liệu của người bệnh để đưa ra chương trình và định hướng can thiệp phù hợp nhất.
9.	<i>Tiêu chí 6.</i> Hướng dẫn và khuyến khích người bệnh chủ động tham gia vào quá trình can thiệp.
10.	<i>Tiêu chí 7.</i> Sử dụng công nghệ hỗ trợ, thiết bị và/ hoặc thay đổi môi trường phù hợp để đạt được hiệu quả về sự thực hiện, sự tham gia hoạt động có ý nghĩa của người bệnh.
11.	<i>Tiêu chí 8.</i> Đưa ra kế hoạch theo dõi hoặc kết thúc can thiệp Hoạt động trị liệu.
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Phát hiện và đánh giá nhu cầu can thiệp sức khỏe trong cộng đồng</i>
12.	<i>Tiêu chí 1.</i> Xây dựng các chương trình hoặc chiến lược can thiệp Hoạt động trị liệu phù hợp với nhu cầu sức khỏe của cá nhân, cộng đồng và xã hội.
13.	<i>Tiêu chí 2.</i> Xây dựng và vận dụng linh hoạt các chương trình giáo dục nâng cao sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật, ngăn ngừa khuyết tật trong cộng đồng phù hợp với nhu cầu của các đối tượng cụ thể.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Ghi chép, lập hồ sơ và lưu trữ thông tin chuyên môn</i>

14.	<i>Tiêu chí 1.</i> Ghi chép và lưu trữ các thông tin lượng giá, mục tiêu, chương trình can thiệp và tái lượng giá Hoạt động trị liệu định kỳ.
15.	<i>Tiêu chí 2.</i> Bàn giao các ghi chép và thông tin chuyên môn cho nhà Hoạt động trị liệu khác trong trường hợp cần thiết.
C. Đối với chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Thực hiện độc lập việc lượng giá các nhu cầu giao tiếp và nuốt</i>
1.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tìm kiếm và ghi lại tình trạng giao tiếp và/hoặc nuốt của người bệnh và tìm hiểu mối quan tâm chính của người bệnh và gia đình.
2.	<i>Tiêu chí 2.</i> Xác định các điều kiện giao tiếp và/hoặc nuốt cần tìm kiếm thông qua việc sử dụng y học thực chứng sẵn có để xác định các quy trình lượng giá phù hợp nhất.
3.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thực hiện lượng giá liên quan đến tình trạng giao tiếp và/hoặc nuốt.
4.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thực hiện lượng giá theo hướng dẫn đạo đức nghề nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan, bao gồm cả trách nhiệm pháp lý y tế.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Phân tích và diễn giải thông tin từ lượng giá và các nguồn khác</i>
5.	<i>Tiêu chí 1.</i> Phân tích và diễn giải dữ liệu lượng giá ngôn ngữ trị liệu.
6.	<i>Tiêu chí 2.</i> Xác định và tìm kiếm thông tin cần thiết để hiểu các vấn đề giao tiếp và/hoặc nuốt của người bệnh.
7.	<i>Tiêu chí 3.</i> Chẩn đoán tình trạng giao tiếp và/hoặc nuốt và đưa ra khuyến cáo cần thiết cho người bệnh và gia đình.
8.	<i>Tiêu chí 4.</i> Báo cáo phân tích, diễn giải và/hoặc ghi chép hồ sơ.
9.	<i>Tiêu chí 5.</i> Cung cấp phản hồi và thảo luận kết quả lượng giá ngôn ngữ trị liệu và/hoặc nuốt cho người bệnh và những người có liên quan.
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lập kế hoạch thực hiện dịch vụ Ngôn ngữ trị liệu dựa trên y học thực chứng</i>
10.	<i>Tiêu chí 1.</i> Sử dụng thông tin được tích hợp và diễn giải liên quan đến tình trạng giao tiếp và/hoặc nuốt, các chính sách và ưu tiên của nhà cung cấp dịch vụ để lập kế hoạch cung cấp dịch vụ Ngôn ngữ trị liệu dựa trên y học thực chứng.
11.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tìm kiếm thông tin bổ sung cần thiết để lập kế hoạch thực hành ngôn ngữ trị liệu dựa trên y học thực chứng.
12.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thảo luận về kết quả lâu dài và phối hợp với người bệnh, những người khác có liên quan và nhóm đa ngành hay liên ngành để quyết định các chiến lược can thiệp phù hợp hoặc cần thiết.

13.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thiết lập các mục tiêu can thiệp với sự phối hợp của người bệnh, những người khác có liên quan và nhóm đa ngành hay liên ngành.
14.	<i>Tiêu chí 5.</i> Lựa chọn phương pháp can thiệp dựa trên y học thực chứng phối hợp với người bệnh, những người khác có liên quan và nhóm đa ngành hay liên ngành.
15.	<i>Tiêu chí 6.</i> Xác định vai trò và trách nhiệm đối với việc quản lý tình trạng giao tiếp và/hoặc nuốt.
16.	<i>Tiêu chí 7.</i> Đo lường kết quả, ghi chép và lưu trữ hồ sơ.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Thực hiện dịch vụ Ngôn ngữ trị liệu</i>
17.	<i>Tiêu chí 1.</i> Thiết lập mối quan hệ và tạo điều kiện người bệnh cùng tham gia can thiệp.
18.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thực hiện can thiệp về giao tiếp và/hoặc nuốt dựa trên y học thực chứng.
19.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thường xuyên tái lượng giá và điều chỉnh can thiệp khi cần thiết.
20.	<i>Tiêu chí 4.</i> Ghi lại tiến trình và những thay đổi trong quá trình can thiệp.
21.	<i>Tiêu chí 5.</i> Xác định phạm vi và bản chất của việc thực hành dịch vụ ngôn ngữ trị liệu trong cộng đồng và bối cảnh nơi làm việc.
22.	<i>Tiêu chí 6.</i> Thực hiện các dự án hoặc chương trình phòng ngừa, giáo dục và/hoặc quảng bá về dịch vụ Ngôn ngữ trị liệu và các chủ đề khác liên quan.
5	<i>Tiêu chuẩn 5. Áp dụng ngôn ngữ, ngữ âm tiếng Việt và chuẩn mực văn hóa Việt Nam</i>
23.	<i>Tiêu chí 1.</i> Thể hiện hiểu biết về sự phát triển giao tiếp và sử dụng tiếng Việt ở các lứa tuổi khác nhau.
24.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thể hiện hiểu biết về chuẩn mực, văn hóa Việt Nam và những ảnh hưởng của chúng đến quá trình lượng giá và điều trị.
25.	<i>Tiêu chí 3.</i> Áp dụng kiến thức về giao tiếp và chuẩn mực văn hóa của người Việt Nam cho người bệnh, gia đình người bệnh, người chăm sóc, chuyên gia sức khỏe và giáo viên.
Lĩnh vực 2	
NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP THEO PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Thực hành nghề theo quy định của pháp luật</i>
1.	<i>Tiêu chí 1.</i> Thực hành nghề trong phạm vi chuyên môn được cấp phép và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến y tế, các tiêu chuẩn, hướng dẫn của Bộ Y tế Việt Nam và các hội nghề nghiệp.

2.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tuân thủ những yêu cầu, nội quy của cơ sở làm việc.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Giữ gìn các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp</i>
3.	<i>Tiêu chí 1.</i> Thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự nhất quán trong thực hành, sự tin cậy, tinh thần cởi mở và tôn trọng khi thực hành chuyên môn.
4.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thể hiện tính chuyên nghiệp, cư xử đúng mực trong giới hạn nghề nghiệp khi xử lý tình huống và giao tiếp với người bệnh và những người khác.
5.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thể hiện sự tôn trọng lợi ích của người bệnh, chuyển đến các chuyên ngành hoặc lĩnh vực liên quan khác nếu nằm ngoài phạm vi can thiệp của Kỹ thuật phục hồi chức năng.
6.	<i>Tiêu chí 4.</i> Thể hiện sự tôn trọng tính đa dạng về văn hóa, niềm tin, giá trị và các đặc điểm cá nhân của người bệnh và đồng nghiệp.
7.	<i>Tiêu chí 5.</i> Tôn trọng bí mật, tuân thủ giới hạn nghề nghiệp trong việc bảo mật và sử dụng thông tin người bệnh, chỉ tiết lộ và sử dụng thông tin khi được cho phép.
8.	<i>Tiêu chí 6.</i> Đảm bảo an toàn và quyền lợi cho người bệnh thông qua thực hành dựa trên bằng chứng.
9.	<i>Tiêu chí 7.</i> Cung cấp các dịch vụ Kỹ thuật phục hồi chức năng trung thực, đủ trình độ và có trách nhiệm; tính phí và nhận thù lao ở mức công bằng và xứng đáng với dịch vụ.
10.	<i>Tiêu chí 8.</i> Đối xử công bằng với người bệnh, không phân biệt đặc điểm khuyết tật, tuổi tác, giới tính, quốc tịch, ngôn ngữ, văn hóa, học vấn, địa vị xã hội, chủng tộc, giàu nghèo, tôn giáo và chính trị.
Lĩnh vực 3	
NĂNG LỰC GIAO TIẾP	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Sử dụng hiệu quả các phương tiện và kỹ năng giao tiếp trong quá trình thực hành chuyên môn</i>
11.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tích cực lắng nghe, tham gia cùng với người bệnh, gia đình và các chuyên gia khác trong quá trình thực hành chuyên môn.
12.	<i>Tiêu chí 2.</i> Giao tiếp cởi mở, tôn trọng và có tính xây dựng.
13.	<i>Tiêu chí 3.</i> Sử dụng ngôn ngữ và các cách thức giao tiếp phù hợp và hiệu quả với người bệnh, đồng nghiệp và những người liên quan khác trong từng bối cảnh, xem xét đến yếu tố tuổi, văn hóa, khả năng ngôn ngữ, trình độ học vấn, khả năng nhận thức và trạng thái cảm xúc của họ. Tham khảo hoặc tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết (Ví dụ: phiên dịch).
14.	<i>Tiêu chí 4.</i> Vận dụng đa dạng các kỹ năng giao tiếp, ứng xử một cách linh hoạt và phù hợp với môi trường làm việc.

15.	<i>Tiêu chí 5. Nhận ra và đáp ứng với giao tiếp có lời và không lời của người bệnh.</i>
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Lưu trữ thông tin bằng văn bản (giấy hoặc điện tử) rõ ràng, đầy đủ và chính xác các kết quả lượng giá, kế hoạch can thiệp, biên bản chấp thuận và ghi nhận các chống chỉ định nếu có</i>
16.	<i>Tiêu chí 1. Ghi chép kết quả lượng giá, can thiệp, các dịch vụ Kỹ thuật phục hồi chức năng được cung cấp một cách chính xác.</i>
17.	<i>Tiêu chí 2. Cung cấp các thông tin bằng văn bản một cách rõ ràng, đầy đủ và chính xác đến người bệnh và những người có liên quan khi được phép.</i>
18.	<i>Tiêu chí 3. Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ hợp lý, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc lưu trữ.</i>
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Sử dụng các công cụ và chiến lược truyền thông an toàn, phù hợp về mặt văn hóa và đạo đức</i>
19.	<i>Tiêu chí 1. Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội và hình ảnh minh họa phù hợp với các yêu cầu chuyên môn.</i>
20.	<i>Tiêu chí 2. Thu thập sự đồng ý bằng văn bản từ người bệnh hoặc người giám hộ hợp pháp trước khi chia sẻ thông tin lên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội.</i>
Lĩnh vực 4 NĂNG LỰC HỢP TÁC	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Thực hành Kỹ thuật phục hồi chức năng trên tinh thần học hỏi, hợp tác, tôn trọng các yếu tố văn hóa và lấy người bệnh làm trung tâm</i>
21.	<i>Tiêu chí 1. Tiếp nhận, chia sẻ kiến thức, thông tin phản hồi với người bệnh và những người liên quan một cách tích cực và xây dựng.</i>
22.	<i>Tiêu chí 2. Làm việc độc lập và hợp tác hiệu quả với người bệnh và những người liên quan trên cơ sở tôn trọng phẩm giá, văn hóa, quyền và mục tiêu của họ.</i>
23.	<i>Tiêu chí 3. Hợp tác và tham gia chia sẻ quyết định điều trị với người bệnh và những người liên quan.</i>
24.	<i>Tiêu chí 4. Tôn trọng các gợi ý và lựa chọn mà người bệnh, đồng nghiệp và những người liên quan khác đưa ra.</i>
4	<i>Tiêu chuẩn 2. Tham gia an toàn và hiệu quả vào việc hợp tác nhóm liên ngành</i>
25.	<i>Tiêu chí 1. Nhận diện được thành phần và vai trò của thành viên trong nhóm liên ngành tùy thuộc vào nhu cầu của người bệnh và bối cảnh can thiệp.</i>

26.	<i>Tiêu chí 2.</i> Hoạt động hiệu quả với vai trò là thành viên của nhóm liên ngành bằng việc đóng góp kiến thức chuyên ngành và tham gia vào quá trình lý luận và ra quyết định can thiệp.
27.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thấu hiểu, tôn trọng vai trò và sự đóng góp của những thành viên trong nhóm liên ngành để hợp tác hiệu quả với họ.
28.	<i>Tiêu chí 4.</i> Tham vấn và chia sẻ những kiến thức với các đồng nghiệp ở chuyên ngành khác, tìm kiếm sự hỗ trợ trong trường hợp vượt quá năng lực chuyên môn của bản thân hoặc khi kết quả can thiệp không như mong đợi.
29.	<i>Tiêu chí 5.</i> Đặt lợi ích của người bệnh làm trung tâm khi can thiệp theo nhóm liên ngành, nhận diện các rào cản nếu có.
30.	<i>Tiêu chí 6.</i> Hợp tác với nhóm liên ngành để phát triển, thực hiện, theo dõi và cập nhật các chính sách và hướng dẫn theo bằng chứng khoa học tốt nhất hiện tại.
Lĩnh vực 5	
NĂNG LỰC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tự đánh giá tình trạng thực hành, nhu cầu học tập của bản thân và xây dựng kế hoạch học tập cá nhân</i>
31.	<i>Tiêu chí 1.</i> Chủ động phân tích, đánh giá thường xuyên về tình trạng thực hành nghề của bản thân.
32.	<i>Tiêu chí 2.</i> Chủ động tìm kiếm, tích cực tiếp nhận các phản hồi và góp ý có tính xây dựng của đồng nghiệp, các bên liên quan và thay đổi phù hợp theo bằng chứng tốt nhất.
33.	<i>Tiêu chí 3.</i> Xây dựng kế hoạch phát triển chuyên môn cá nhân và có tài liệu minh chứng cho quá trình và kết quả của quá trình thực hiện.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Hiểu rõ về phạm vi hành nghề để giới thiệu người bệnh đến các chuyên gia khác khi không thể đáp ứng nhu cầu của họ</i>
34.	<i>Tiêu chí 1.</i> Thể hiện sự hiểu biết phạm vi hành nghề và các giới hạn chuyên môn của bản thân và của lĩnh vực Kỹ thuật phục hồi chức năng.
35.	<i>Tiêu chí 2.</i> Đề xuất sự hỗ trợ của đồng nghiệp khi cần thiết.
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Cập nhật kiến thức chuyên môn và học tập liên tục</i>
36.	<i>Tiêu chí 1.</i> Sử dụng công nghệ kỹ thuật số, khả năng truy cập và tiếp cận nguồn tài liệu chuyên môn, chia sẻ kiến thức với người khác dựa trên bằng chứng.
37.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tích cực tham dự các buổi hội nghị, hội thảo nâng cao kiến thức chuyên môn.
38.	<i>Tiêu chí 3.</i> Cập nhật kỹ năng thực hành dựa trên bằng chứng phù hợp, chủ động tham gia vào quá trình phát triển chuyên môn.

39.	<i>Tiêu chí 4.</i> Học tập từ các đồng nghiệp thuộc các chuyên ngành của Kỹ thuật phục hồi chức năng, những người từ các lĩnh vực khác có liên quan, người bệnh cùng gia đình họ, cộng đồng và các nhà lãnh đạo.
4	<i>Tiêu chuẩn 4. Tham gia nghiên cứu khoa học để nâng cao kiến thức</i>
40.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tích cực tham gia các nghiên cứu khoa học và tuân thủ y đức trong quá trình thực hiện nghiên cứu.
41.	<i>Tiêu chí 2.</i> Ứng dụng và chia sẻ các kiến thức về nghiên cứu khoa học để có thể nâng cao kiến thức chuyên môn.
Lĩnh vực 6 NĂNG LỰC ĐÀO TẠO	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Vận dụng kiến thức giáo dục người bệnh và người chăm sóc nhằm đạt được mục đích của họ</i>
42.	<i>Tiêu chí 1.</i> Đảm bảo cho người bệnh hiểu được tình trạng của họ và các phương án can thiệp.
43.	<i>Tiêu chí 2.</i> Đảm bảo người bệnh và gia đình tham gia một cách chủ động vào việc đặt ra mục tiêu can thiệp; khuyến khích họ tự quản lý tình trạng của mình và sử dụng liệu pháp nhóm khi thích hợp.
44.	<i>Tiêu chí 3.</i> Thực hiện giáo dục sức khỏe, chuyển giao kiến thức kỹ năng cho người chăm sóc tham gia vào hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Tham gia vào việc giáo dục sinh viên hoặc nhân viên mới để tạo điều kiện cho họ đạt được các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất</i>
45.	<i>Tiêu chí 1.</i> Tham gia vào việc chia sẻ kiến thức, hướng dẫn thực hành lâm sàng cho sinh viên hoặc nhân viên mới tại cơ sở lâm sàng.
46.	<i>Tiêu chí 2.</i> Thể hiện sự gương mẫu trong thực hành và tác phong nghề nghiệp.
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Cung cấp kiến thức cho các bên liên quan và cộng đồng về Kỹ thuật phục hồi chức năng</i>
47.	<i>Tiêu chí 1.</i> Xác định nhu cầu đào tạo liên quan đến các dịch vụ Kỹ thuật phục hồi chức năng từ các bên liên quan và cộng đồng.
48.	<i>Tiêu chí 2.</i> Tham gia giáo dục sức khỏe cho các bên liên quan và cộng đồng, thúc đẩy cải thiện tiếp cận với các dịch vụ Kỹ thuật phục hồi chức năng tại cộng đồng.
49.	<i>Tiêu chí 3.</i> Cung cấp thông tin theo cách dễ tiếp cận và điều chỉnh nội dung phù hợp với người học.
50.	<i>Tiêu chí 4.</i> Sử dụng các nguồn lực thích hợp để đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Lĩnh vực 7 NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO	
1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tự quản lý bản thân để đảm bảo sức khỏe cho việc hành nghề và hỗ trợ đồng nghiệp trong các tình huống cần thiết nhằm bảo vệ sự an toàn và sức khỏe của người bệnh</i>
51.	<i>Tiêu chí 1. Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho chính mình.</i>
52.	<i>Tiêu chí 2. Kiểm tra an toàn của môi trường và những người xung quanh khi can thiệp cho người bệnh.</i>
53.	<i>Tiêu chí 3. Nhận biết và tuân theo các chính sách để giảm thiểu rủi ro, tăng cường sức khỏe và hành nghề an toàn.</i>
54.	<i>Tiêu chí 4. Nhận biết và quản lý xung đột lợi ích, duy trì sự cân bằng trong mối quan hệ của bản thân với người bệnh, đồng nghiệp và các mối quan hệ trong công việc để có sự điều chỉnh phù hợp.</i>
2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản lý hiệu quả các nguồn lực trong quá trình thực hành Kỹ thuật phục hồi chức năng</i>
55.	<i>Tiêu chí 1. Chủ động suy nghĩ về kiến thức và kỹ năng của bản thân khi thực hành để quản lý nguồn lực, thời gian và công việc hiệu quả.</i>
56.	<i>Tiêu chí 2. Sắp xếp tổ chức thực hiện công việc một cách hợp lý dựa trên nguồn lực có sẵn; lập kế hoạch công việc mỗi ngày, bám sát và thực hiện đúng tiến độ của kế hoạch đã đề ra và sẵn sàng ứng phó với các tình huống phát sinh.</i>
57.	<i>Tiêu chí 3. Cân bằng giữa cuộc sống với công việc, chuẩn bị môi trường làm việc và đảm bảo khối lượng công việc phù hợp để đáp ứng kết quả mong muốn.</i>
58.	<i>Tiêu chí 4. Nhận diện biết các hệ thống, chính sách hỗ trợ sức khỏe, phúc lợi về khuyết tật tại địa phương.</i>
59.	<i>Tiêu chí 5. Nhận biết và liên kết các ngành nghề liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương và nơi làm việc.</i>
60.	<i>Tiêu chí 6. Nhận biết các nguồn cung cấp dụng cụ, thiết bị cho người bệnh.</i>
3	<i>Tiêu chuẩn 3. Đóng góp vào sự phát triển nghề nghiệp và những lĩnh vực hành nghề mới trong lĩnh vực Kỹ thuật phục hồi chức năng</i>
61.	<i>Tiêu chí 1. Thể hiện nhận thức về các mạng lưới chính thức và không chính thức của Kỹ thuật phục hồi chức năng để hỗ trợ và phát triển nghề nghiệp.</i>
62.	<i>Tiêu chí 2. Tích cực đóng góp cho việc thúc đẩy nghề nghiệp và phát triển các môi trường hành nghề để cải thiện sự tiếp cận của người bệnh với dịch vụ Kỹ thuật phục hồi chức năng.</i>

63.	<i>Tiêu chí 3.</i> Tuân thủ và đóng góp vào sự phát triển của các chính sách về Kỹ thuật phục hồi chức năng và trong lĩnh vực sức khỏe.
64.	<i>Tiêu chí 4.</i> Tích cực tham gia vào việc quảng bá nghề nghiệp.

bvcdn.vt_Van thu Benh vien C Da Nang_29/12/2024 15:24:33